



fǎ shī

法师

noun · master (Buddhist or Taoist); wizard; magician

Example Sentences

Zhè wèi fǎ shī zài sì miào lǐ jiǎng jīng
这位法师在寺庙里讲经。

This master is giving a sermon at the temple.

Yóu xì lǐ de fǎ shī huì shǐ yòng qiáng dà de mó fǎ
游戏里的法师会使用强大的魔法。

The wizard in the game can use powerful magic.

Trace each character, then write the word on your own.

法 法 法 法 法 法 法 法 法 法 法

师 师 师 师 师 师 师 师 师